



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024
(Từ 01/01/2024 - 31/12/2024)

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
Trụ sở: 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
Số điện thoại: 024 6287 6666
Số fax: 024 6288 3333
Website: www.vimico.vn

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình phát triển
3. Ngành nghề, sản phẩm và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2020 - 2025
6. Các rủi ro và quản trị rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các Dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2024
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính và những đánh giá về tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị
3. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên đầy đủ: Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
- Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin - Minerals Holding Corporation
- Tên rút gọn: Tổng công ty Khoáng sản - TKV
- Tên viết tắt: VIMICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28/4/2021.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Số điện thoại: 024 6287 6666
- Số fax: 024 6288 3333
- Website: www.vimico.vn
- Mã cổ phiếu: **KSV**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (tiền thân là Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam) là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1118 QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương).

Theo Quyết định số 345/2005/QĐ-TT ngày 26/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển thành công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 27/04/2006, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 12/2006/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 0106000168, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 3 ngày 03/05/2007.

Theo Quyết định số 2449/QĐ-HĐQT ngày 8/11/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam được đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Theo Quyết định số 3169/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công Thương, Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - TKV chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV và đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103087, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 21/08/2012.

Thực hiện Quyết định số 2388/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Phương án CPH Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quyết định số 7850/QĐ-BCT ngày 30/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương v/v điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản

TKV - CTCP, Tổng công ty đã tiến hành CPH và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 6/10/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 6/10/2015.

Ngày 28/12/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán tại Công văn số 8010/UBCK-QLPH.

Ngày 21/7/2016, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 440/QĐ-SGDHN v/v chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV trên sàn Upcom với mã chứng khoán KSV, số lượng đăng ký là 200.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000đ/cổ phiếu; tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.000 tỷ đồng.

Ngày 28/7/2016, tại HNX cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã chính thức giao dịch trên sàn Upcom.

Ngày 20/12/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 856/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

3. Ngành nghề, sản phẩm và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (chính)	2420
2.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (Trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8710
3.	Khai thác quặng sắt	0710
4.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
5.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
8.	Sản xuất than cốc	1910
9.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
10.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
11.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
12.	Đúc kim loại màu	2432
13.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
14.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
17.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
18.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

21.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7110
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
32.	Điều hành tua du lịch	7912
33.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Xây dựng công trình thủy	4291
36.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
37.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
38.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7212
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7213
43.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
45.	Khai thác gỗ	0220
46.	Đào tạo sơ cấp	8531
47.	Đào tạo trung cấp	8532
48.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Đào tạo cao đẳng	8533
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân	2599

	vào đầu	
52.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
53.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
54.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
55.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
56.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
57.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu	8559

3.2. Một số sản phẩm chính:

**Sản phẩm do Công ty mẹ sản xuất:*

- Tinh quặng đồng 25% Cu
- Đồng tấm 99,90-99,99% Cu
- Tinh quặng sắt 60% Fe
- Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H₂SO₄
- Vàng kim loại 99,90-99,99% Au
- Bạc kim loại 99,90-99,99% Ag

**Sản phẩm do Công ty con sản xuất:*

- Kẽm thỏi 99,90-99,95% Zn
- Thiếc thỏi 99,75-99,95 % Sn
- Phôi thép CT5, Q235A, SD 295,...
- Tinh quặng sắt 60% Fe
- Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H₂SO₄
- Tinh quặng chì 50%Pb

3.3. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại một số tỉnh thành trong cả nước, đa số tại vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn trong đó tập trung ở khu vực Lào Cai, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn,...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm 2256 cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần tương đương 2.000 tỷ đồng bằng 100% vốn điều lệ (tại thời điểm ngày 13/3/2025 VSCD chốt Danh sách cổ đông).

- Hội đồng quản trị: Gồm Chủ tịch và 04 thành viên. Trong đó, có 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên độc lập, 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc, 01 thành viên kiêm Phó tổng giám đốc Tổng công ty.

- Ban kiểm soát: Gồm Trưởng ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát viên.

- Ban Giám đốc: 01 Tổng giám đốc, 05 Phó tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng.

- Phòng, Ban chức năng: 11 Phòng.

- Đơn vị trực thuộc: gồm 03 đơn vị.

- Công ty con cổ phần chi phối: 07 đơn vị.

- Đơn vị liên kết và đầu tư tài chính dài hạn: 02 đơn vị.

[illegible]

VIMICO là công ty cổ phần được tổ chức sản xuất theo mô hình Công ty mẹ - công ty con, trong đó khâu sản xuất được thực hiện theo cơ chế khoán chi phí, tiêu thụ sản phẩm tập trung. Một số sản phẩm chủ yếu của công ty con (phôi thép của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, tinh quặng sắt của Công ty cổ phần Khoáng sản 3) được tiêu thụ thông qua công ty mẹ theo các hợp đồng mua bán giữa 3 bên: Tổng công ty - Công ty - Khách hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ. Các công ty con khi tham gia cơ chế phối hợp kinh doanh với Tổng công ty được hưởng các hỗ trợ về: an sinh xã hội, bố trí nguồn vốn sản xuất, quản lý kỹ thuật,...

- Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm (2020-2025). Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổng giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh của nhóm công ty mẹ - công ty con theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là một thành viên trong HĐQT.

Báo cáo thường niên năm 2024

nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

4.4. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết:

4.4.1. Các đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Mở tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - VIMICO: xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - VIMICO: thôn Tân Hồng, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - VIMICO: số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

4.4.2. Các công ty con:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn góp của Tổng
1	CTCP Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Tổ 6, P.Phú Xá, TP Thái Nguyên	180.000	51,00%	91.800
2	CTCP Khoáng sản & Luyện Kim Cao Bằng	Khai thác và chế biến khoáng sản	Phố Kim Đồng, P. Hợp Giang, TP. Cao Bằng	80.000	51,89%	41.509
3	CTCP Gang thép Cao Bằng	Khai thác và chế biến khoáng sản	Km5, Đề Thám, TP. Cao Bằng	430.064	52,54%	225.954
4	CTCP Du lịch & Thương mại Bằng Giang Cao Bằng	Khách sạn và vận tải hành khách	001 Kim Đồng, P. Hợp Giang, TP. Cao Bằng	18.000	51,31%	9.235
5	CTCP Khoáng sản 3 - Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Tổ 30, P.Duyên Hải, TP Lào Cai	35.000	51,00%	17.850

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn góp của Tổng
6	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai-Vimico	Chế biến khoáng sản	Tân Hồng, Bản Qua, Bát Xát, Lào Cai	24.000	99,01%	23.761
7	CTCP Đất hiếm Lai Châu-Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Thị trấn Tam Đường, H.Tam Đường, Lai Châu	350.000	55,00%	164.342

4.4.3. Các công ty liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp
1	CTCP Đá Quý và Vàng Hà Nội	Kinh doanh vàng bạc, đá quý	91 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	18.000	48,31%	8.696
2	CTCP Xi măng Tân Quang	Sản xuất Xi măng	Xóm 5, xã Trảng Đà, TP Tuyên Quang	350.000	13,71%	48.000

5. Định hướng phát triển của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2020-2025:

5.1. Mục tiêu phát triển:

Phát triển Tổng công ty trở thành doanh nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản kim loại màu hàng đầu Việt Nam; năng động, sáng tạo và có năng lực cạnh tranh cao, có tiềm lực tài chính tốt, SXKD hiệu quả, phát triển bền vững.

5.2. Định hướng mô hình tăng trưởng:

Từ quan điểm và mục tiêu nêu trên, mô hình tăng trưởng của Tổng công ty trong thời gian tới được xác định là: *“Phát triển ngành khoáng sản đồng bộ, tiên tiến, hiện đại với tốc độ tăng trưởng cao trên cơ sở đi đôi với phát triển theo chiều rộng tăng cường phát triển theo chiều sâu bằng cách áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường”* với các định hướng như sau:

- Tập trung khai thác và chế biến sâu các loại khoáng sản có trữ lượng lớn, chất lượng tốt mà trọng tâm là quặng đồng, quặng sắt, quặng kẽm chì. Mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở luyện kim hiện có, xây dựng một số cơ sở luyện kim mới với công nghệ hiện đại bên cạnh các mỏ khoáng sản công suất lớn hoặc tại các vùng tập trung các mỏ khoáng sản.

- Hình thành các tổ hợp hoặc trung tâm khai thác mỏ kim loại - luyện kim đồng bộ, công nghệ tiên tiến, hiện đại bao gồm cả công nghiệp phụ trợ có quy mô phù hợp với quy mô trữ lượng khoáng sản của từng cụm mỏ, vùng mỏ hoặc khu vực.

5.3. Định hướng phát triển:

- Tập trung đầu tư phát triển ngành khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản (tuyển khoáng, luyện kim); trọng tâm là các sản phẩm đồng, sắt, kẽm, thiếc, các sản phẩm từ đất hiếm; ...

- Quan tâm phát triển ở quy mô hợp lý một số ngành, lĩnh vực liên quan đến ngành sản xuất chính như xây lắp công trình công nghiệp mỏ, tuyển, luyện kim; gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí (chi tiết, cụm chi tiết, sản phẩm đồng bộ); sửa chữa trung, đại tu ô tô, thiết bị khai thác mỏ, thiết bị tuyển, luyện kim và các thiết bị cơ khí, động lực khác phục vụ hoạt động sản xuất chính; sản xuất các mặt hàng công nghiệp, dân dụng, hóa chất từ khoáng sản, kim loại; gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ từ sản phẩm khoáng sản và kim loại...

- Phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản - luyện kim theo hướng hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phân đầu trở thành nhà sản xuất, cung ứng giữ vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế về các nguyên liệu khoáng và sản phẩm kim loại, nhất là các kim loại màu.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh lại cơ cấu vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn.

5.4. Chiến lược phát triển:

Trên cơ sở định vị phương hướng và mục tiêu phát triển, Tổng công ty thực hiện các biện pháp cụ thể bao gồm:

a. Phát triển tài nguyên và nguồn nguyên liệu:

Thực hiện mục tiêu chiến lược xuyên suốt của Vimico trong toàn Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam là “Từ tài nguyên khoáng sản và nguồn nhân lực đi lên giàu mạnh”.

Hiện nay, VIMICO đang tập trung các nguồn lực, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác thăm dò, khảo sát theo định hướng chiến lược phát triển lĩnh vực khoáng sản của Tập đoàn TKV trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2025 phê duyệt tại Quyết định số 1404/QĐ-TKV ngày 22/8/2023 phù hợp với Quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 về việc Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch khoáng sản). Theo đó, tiếp tục tập trung đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các đề án thăm dò mở rộng và xuống sâu các khu vực mỏ đồng đã được cấp một phần diện tích khai thác (Sin Quyền và Đông Nam Sin Quyền, Vi Kẽm).

Trước mắt, Vimico tập trung các nguồn lực, ưu tiên triển khai ngay từ đầu năm 2025 các đề án thăm dò mở rộng khu vực mỏ đồng Sin Quyền và khu Đông Nam thuộc xã Bản Vược và Xã Cốc Mỹ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai nằm liền kề khu mỏ đồng Sin Quyền đã cấp phép khai thác cho Vimico phục vụ dự án phân sâu và khu Đông Nam mỏ đồng Sin Quyền theo Quy hoạch khoáng sản.

Kết thúc năm 2024, Vimico và các đơn vị thành viên đã triển khai thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi ranh giới cấp phép khai thác mỏ: đồng Vi Kẽm, kẽm chì Chợ Điện, Bắc Kạn, thiếc tiêu khu phía Nam, khu Tây Núi Pháo, sắt Kip Tước, thành Phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng sẽ làm gia tăng giá trị trữ lượng, tài nguyên kéo dài tuổi thọ mỏ trong

phạm vi đã được cấp phép khai thác.

b) Một số giải pháp trong công tác thăm dò, phát triển tài nguyên:

Phối hợp với các đơn vị quản lý Nhà nước, các đơn vị liên quan trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản nhằm đảm bảo mục tiêu chung của Tổng công ty và TKV.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thi công các đề án thăm dò của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng thi công các công trình thăm dò, nâng cao hiệu quả trong đầu tư thăm dò phát triển tài nguyên.

Áp dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực địa chất, địa vật lý, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc triển khai các đề án thăm dò mỏ mới, quan trắc dịch động bờ mỏ, đập môi trường.

c) Phát triển công nghệ (kỹ thuật mỏ địa chất - tuyển khoáng - luyện kim):

** Kỹ thuật mỏ - địa chất*

Tăng cường kiểm soát chặt chẽ từ khâu cập nhật, lập kế hoạch huy động trữ lượng trong không gian khai thác để đảm bảo độ tin cậy trong xây dựng và điều hành kế hoạch khai thác linh hoạt phù hợp với thực tế, giảm chi phí sản xuất.

Đối với khai thác lộ thiên: ưu tiên đầu tư và khai thác hiệu quả dây chuyền thiết bị khai thác mỏ, ưu tiên sử dụng đồng bộ thiết bị cỡ lớn có hiệu suất cao để nâng cao năng lực sản xuất, giảm chi phí góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Duy trì đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, tăng cường nghiên cứu các giải pháp công nghệ nhằm tận thu tối đa tài nguyên, khai thác triệt các loại quặng nghèo, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo trong khai thác;

Đối với khai thác hầm lò: Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, từng bước cơ giới hóa các khâu khoan, xúc bốc, vận tải trong sản xuất để tăng năng suất lao động, sản lượng khai thác, đào lò. Nghiêm túc thực hiện quy trình công nghệ khoan nổ mìn, đào chống lò, khai thác, công tác thông gió, vận tải, thoát nước mỏ. Tuân thủ các quy chuẩn an toàn trong khai thác quặng hầm lò hiện hành (an toàn trong khai thác, sử dụng VLNCN, tời trục...) và các quy định khác về kỹ thuật, an toàn. Tiếp tục thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong khai thác hầm lò nhằm nâng cao hệ số sử dụng lỗ khoan, nổ mìn tạo biên từng bước giảm hệ số thừa tiết diện và tăng độ ổn định đá vây quanh đường lò, buồng khai thác, tăng tỉ lệ thu hồi quặng.

** Kỹ thuật tuyển khoáng – Luyện kim*

- Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư nâng cấp, hoàn thiện công nghệ và thiết bị các nhà máy tuyển luyện: Bổ sung công nghệ, thiết bị để thu hồi thiếc, sắt tại các bãi chứa quặng đuôi tuyển thiếc và tuyển sắt; giảm tối đa hàm lượng các chất có ích trong quặng đuôi tuyển. Nghiên cứu thu hồi các sản phẩm có ích đi kèm trong sản xuất đồng cathode. Hoàn thành cải tạo nâng cao chất lượng sản phẩm nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên, cải tiến công nghệ hòa tách từ thủy luyện toàn phần sang công nghệ bán thủy luyện để nâng cao thực thu, giảm bã thải, thu hồi khoáng vật có ích. Với sản xuất phôi thép, tận thu sắt trong xỉ lò luyện, tăng cường phun than antraxit tại lò cao để giảm tiêu hao than cốc. Thực hiện các giải pháp nâng cao thực thu và chất lượng sản phẩm, giảm các chỉ tiêu tiêu hao; thực

hiện các giải pháp giảm phát sinh khí thải. Cung cấp đủ tinh quặng các loại cho các nhà máy luyện kim sản xuất ổn định, vận hành công nghệ sản xuất phù hợp với sự đa dạng nguồn tinh quặng... Tiếp tục đầu tư hoàn thiện và nâng cấp các phòng phân tích tại các cơ sở sản xuất của Tổng công ty. Sửa đổi, bổ sung các quy trình lấy mẫu, gia công, phân tích hóa; sửa đổi bổ sung các quy trình kiểm soát nguyên liệu, sản phẩm tại đơn vị trực thuộc.

d) Chiến lược phát triển công tác cơ điện:

Tập trung sử dụng và khai thác hiệu quả máy móc, thiết bị đã được đầu tư theo các dự án thuộc các lĩnh vực khai thác, tuyển khoáng, luyện kim. Làm chủ thiết bị trong các dây chuyền sản xuất, nâng cao thời gian hoạt động có ích của thiết bị, năng suất thiết bị đạt và vượt năng suất thiết kế. Từng bước hợp lý hóa trong việc cải tạo, nâng cấp nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất trong từng lĩnh vực, công đoạn sản xuất. Tăng cường triển khai áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong quản lý điều hành/hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả xuất kinh doanh. Bao gồm nhưng không giới hạn một số nội dung chính sau:

- Đầu tư thiết bị khai thác, vận tải mỏ có năng suất cao, bổ sung năng lực thiết bị, thay thế thiết bị hết khấu hao, cũ hỏng, xuống cấp,... như: Máy xúc >6,5m³, xe ô tô > 55T,...

- Áp dụng các giải pháp tiên bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực cơ điện nhằm gia tăng năng lực thiết bị và nâng cao hiệu quả sản xuất. Đẩy mạnh triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Chú trọng triển khai dự án đầu tư, cải tạo nâng cấp các hệ thống/dây chuyền thiết bị, sớm đưa vào sử dụng nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, mang lại hiệu quả trong quản lý sản xuất...

- Tăng cường công tác chế tạo các sản phẩm cơ khí và sử dụng vật tư phụ tùng trong nước thay thế vật tư phụ tùng nhập khẩu: phục vụ hiệu quả cho sản xuất tại các đơn vị. Phát triển nguồn nhân lực sửa chữa máy móc thiết bị và tăng cường đào tạo, tuyển dụng thợ sửa chữa có tay nghề cao; cũng như nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao năng lực tự sửa chữa.

- Thực hiện các chương trình THH/Số hóa: quản lý, vận hành và khai thác triệt để các tính năng hiện có của các hệ thống ứng dụng CNTT đang sử dụng tại Tổng công ty như: hệ thống văn phòng điện tử Portal office, hệ thống ký số tập trung, hệ thống phần mềm Fast Business Online của Công ty mẹ - Tổng công ty. Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai số hóa các quy trình quản lý trong công tác sản xuất như: thống kê phân xưởng sản xuất; hệ thống quản lý an toàn - môi trường; hệ thống quản lý nhận lệnh, giao ca; hệ thống quản lý khai thác; hệ thống quản trị chi phí; hệ thống cập nhật kế hoạch và nghiệm thu; hệ thống quản lý bảo trì, bảo dưỡng và trung đại tu thiết bị, hệ thống quản lý hiệu suất tổng thể máy móc,...

e) Nâng cao năng lực quản lý:

- Công tác kế toán thống kê:

- + Tiếp tục thực hiện Chế độ kế toán doanh nghiệp của Việt Nam.

- + Mô hình kế toán: Phân tán kết hợp tập trung tùy thuộc quy mô và đặc thù của từng đơn vị.

Đối với khối Công ty mẹ (Công ty Cổ phần): Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, lập BCTC của Chi nhánh và kết chuyển lãi lỗ về Văn phòng Tổng công ty, Văn phòng Tổng công ty tổng hợp kết quả SXKD toàn Công ty mẹ Tổng công ty. Vốn kinh doanh hạch toán tập trung tại Văn phòng Tổng công ty, các chi nhánh được giao quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản và nhận nợ với Văn phòng Tổng công ty.

Đối với khối Công ty con Công ty cổ phần: Hạch toán độc lập, BCTC được hợp nhất lên báo cáo toàn Tổng công ty theo quy định của chế độ kế toán.

+ Triển khai ứng dụng CNTT: đa số các đơn vị sử dụng phần mềm kế toán để phục vụ công tác kế toán (hạch toán kế toán, lên sổ sách và các báo cáo quản trị).

- Công tác tài chính:

+ Tiếp tục tập trung dòng tiền bán hàng trên cơ sở áp dụng mô hình tiêu thụ tập trung tại Công ty mẹ (công ty cổ phần). Duy trì việc Công ty mẹ - Công ty CP thu xếp vốn lưu động bằng việc thanh toán/ứng tiền để các đơn vị sản xuất và sản phẩm được xuất về Văn phòng Tổng công ty tiêu thụ. Vốn đầu tư thu xếp tập trung tại Công ty mẹ - Tổng công ty, các chi nhánh thực hiện khi có phân cấp, uỷ quyền của Công ty mẹ - Tổng công ty. Các Công ty con cổ phần lựa chọn chủ động tiêu thụ sản phẩm hoặc tiêu thụ qua Công ty mẹ Tổng công ty thông qua Hợp đồng phối hợp SXKD.

+ Tái cấu trúc các khoản vay theo biến động của thị trường và sử dụng linh hoạt các sản phẩm dịch vụ tài chính của các tổ chức tín dụng nhằm giảm thiểu chi phí tài chính hàng năm, tiết kiệm chi phí đầu tư.

f) Nâng cao nguồn nhân lực:

Theo chiến lược phát triển và để đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty, mục tiêu và yêu cầu về đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng lao động của Tổng công ty như sau:

- Mục tiêu và yêu cầu về cơ cấu lao động:

+ Mục tiêu lao động quản lý của toàn Tổng công ty đến hết năm 2025 không quá 13% so với tổng số lao động.

+ Kiểm soát và có chính sách hợp lý về cơ cấu ngành nghề để ổn định và phát triển về cả số lượng và chất lượng phù hợp với quy mô phát triển từng năm của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật các ngành nghề; lao động kỹ thuật của các ngành chủ lực của Tổng công ty như luyện kim, chế tác kim loại, tuyển khoáng, khai thác mỏ, kỹ thuật sửa chữa các thiết bị cơ điện.

- Yêu cầu về kỹ năng, trình độ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật:

+ Yêu cầu đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật: Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của Tổng công ty phải đáp ứng được yêu cầu về trình độ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ lý luận chính trị và trình độ quản lý doanh nghiệp. Ngoài ra, cần phải có kinh nghiệm thực tế tại các cơ sở sản xuất trong Tổng công ty và có kỹ năng làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo.

+ Yêu cầu đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật (CNKT): Đội ngũ CNKT phải được đào tạo bài bản tại các hệ thống trường đào tạo CNKT của Nhà nước

và các trường đào tạo trong hệ thống đào tạo của TKV. Một số đối tượng lao động có yêu cầu cao cần được đào tạo bổ sung thực tế tại các cơ sở sản xuất trong và/hoặc ngoài nước để nâng cao tay nghề và kinh nghiệm trước khi đưa vào sản xuất. Lao động kỹ thuật phải nắm vững cơ sở lý thuyết và khả năng thực hiện các công việc thực tế cao, thuần thục các kỹ thuật công nghệ hiện đang được sử dụng trong sản xuất và phát triển trong những năm tới của Tổng công ty.

- Đối với công tác tổ chức, quản lý: Tiếp tục sắp xếp lại tổ chức tại các đơn vị thành viên, giảm các đầu mối quản lý trung gian để đổi mới cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp, nâng cao hiệu quả điều hành. Đồng thời, tiếp tục tái cơ cấu các mặt quản trị nội bộ của Tổng công ty. Tiếp tục rà soát đổi mới cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng lao động tại các đơn vị đặc biệt là tại một số đơn vị có số lao động lớn, cơ cấu lao động phức tạp.

- Đối với công tác tuyển dụng và quản lý sử dụng lao động: Thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng lao động theo Quy chế tuyển dụng và sử dụng Người lao động Tổng công ty Khoáng sản – TKV. Tiếp nhận, sử dụng, bố trí lao động đúng ngành nghề đào tạo để phát huy sở trường và kinh nghiệm làm việc. Tạo những cơ hội tốt về thu nhập và khả năng phát triển. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động. Cải thiện điều kiện về môi trường làm việc, quan hệ cộng đồng, gia đình xã hội. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, tay nghề cao đặc biệt là đối tượng lao động trong các lĩnh vực khai thác hầm lò, luyện kim chế biến sâu, đối tượng lao động có nguyện vọng gắn bó lâu dài với đơn vị...

- Đối với công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục thực hiện đánh giá hiệu quả công việc (theo KPI) tại Cơ quan Tổng công ty và triển khai nhân rộng tới các đơn vị thành viên. Hàng năm xây dựng chương trình Đào tạo cho cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sử dụng, nâng cao kỹ năng làm việc của CNV và đội ngũ công nhân kỹ thuật trong Tổng công ty. Có kế hoạch luân chuyển để đào tạo nâng cao năng lực quản lý trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ ở đơn vị sản xuất trực tiếp. Đào tạo đủ số lượng và đảm bảo chất lượng nhằm cung cấp lao động cho các dự án của Tổng công ty hoàn thành và đi vào sản xuất giai đoạn 2021-2025, trong quá trình đào tạo và sử dụng lao động, chú trọng và ưu tiên sử dụng lao động địa phương.

6. Các rủi ro và quản trị rủi ro:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng công ty Khoáng sản - TKV chịu tác động của những rủi ro sau:

6.1. Rủi ro bên ngoài:

6.1.1. Rủi ro về kinh tế:

- Tổng công ty có các giao dịch mua, bán trong và ngoài nước, có thông qua, sử dụng thanh toán bằng ngoại tệ (USD, CNY...) Do đó, bất kỳ sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Vì vậy, sự phát triển của nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam, tạo nên sức cầu quan trọng đối với ngành khoáng sản. Tuy nhiên, các mặt

hàng của Việt Nam chiếm một tỷ trọng nhỏ so với thế giới, do đó giá bán của các sản phẩm này phụ thuộc nhiều vào mặt bằng chung của thế giới. Nên, khi nền kinh tế toàn cầu suy thoái, giá bán các sản phẩm khoáng sản giảm, dẫn đến ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến sự phát triển của Tổng công ty.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế, Tổng công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế, để từ đó lập kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với yêu cầu tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Tổng công ty còn thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhằm gia tăng lợi nhuận của các lĩnh vực kinh doanh truyền thống và một số lĩnh vực kinh doanh khác.

- Lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Tổng công ty luôn phải theo dõi và cập nhật hàng ngày để đưa ra chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng đồng thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình SXKD của các doanh nghiệp. Chính vì vậy, khi lãi suất biến động sẽ có ảnh hưởng nhất định đến tình hình hoạt động của Tổng công ty.

Để quản trị rủi ro về lãi suất, hạn chế tối đa tác động của lãi suất lên hoạt động SXKD, Tổng công ty áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vay vốn từ Ngân hàng, sử dụng linh hoạt các sản phẩm tín dụng và thay bằng các nguồn khác có chi phí thấp hơn.

6.1.2. Rủi ro pháp lý:

- Hệ thống pháp luật của nước ta liên quan đến hoạt động kinh doanh và khai thác khoáng sản còn chưa đồng bộ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Các chính sách của Chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Nhà nước thu tiền sử dụng tài liệu địa chất, tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ, đầu tư.... và các loại thuế, phí tăng cao đã và đang làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, thời hạn khai thác các mỏ của VIMICO phụ thuộc vào chính sách quản lý, khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Thời hạn xin cấp phép khai thác mỏ thường kéo dài và là một rủi ro trong hoạt động của Tổng công ty.

6.2. Rủi ro nội tại doanh nghiệp:

6.2.1. Rủi ro về đất đai:

- Hiện nay, VIMICO đang được Nhà nước giao quản lý, sử dụng diện tích đất hơn 6,987 triệu m² trải rộng trên địa bàn Lào Cai, Hà Nội và đang tiếp tục thực hiện các thủ tục thuê thêm diện tích đất lớn chủ yếu trên địa bàn Lào Cai để phục vụ cho công tác SXKD. Việc quản lý, sử dụng và xin cấp mới những diện tích đất trên có thể phát sinh những rủi ro, khó khăn không lường trước được như:

- Rủi ro trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng: Đây là công tác phức tạp và có thể phát sinh nhiều vướng mắc làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án cũng như công tác sản xuất của VIMICO.

- Chính sách về quản lý đất đai: Thường xuyên có những biến động, việc cập nhật và áp dụng các chính sách về đất đai có thể phát sinh các chi phí làm ảnh

hưởng đến quá trình sản xuất, đầu tư: tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

6.2.2. Rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên:

Ngành khoáng sản có đặc thù là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí chìm (sunk cost) sẽ là rất lớn. Mặc dù các công ty khai khoáng đều thực hiện những nghiên cứu, khảo sát và đánh giá về điều kiện địa chất mỏ. Tuy nhiên, những nghiên cứu này không thể lường trước hết những biến động bất thường của tự nhiên. Việc đánh giá không chính xác về địa chất và về trữ lượng khoáng sản có thể khai thác sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của Vimico.

6.2.3. Rủi ro đặc thù khai thác, chế biến:

Do đặc thù ngành khai khoáng hoạt động gắn chặt với lòng đất, trong điều kiện ngoài trời, doanh nghiệp còn phải chịu các rủi ro về thiên tai, lũ lụt, rủi ro xảy ra tai nạn lao động, rủi ro gây ô nhiễm môi trường... dẫn tới việc phải tăng các chi phí hoạt động hoặc thậm chí bị rút giấy phép khai thác mỏ.

6.2.4. Rủi ro về tiêu thụ sản phẩm:

Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty được xây dựng dựa vào một phần công tác dự báo sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm trong năm tới. Do đó, giá cả của các sản phẩm như: đồng, vàng, bạc, kẽm thỏi, phôi thép, tinh quặng sắt.... đều chịu áp lực do biến động giá cả của thị trường trong nước và thế giới. Vì vậy, mọi chính sách kinh tế, đối ngoại đều có tác động đến giá thành sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tổng công ty triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Tập đoàn, sự đồng thuận, đoàn kết của Ban lãnh đạo, của tập thể người lao động.

Giá kim loại màu ổn định, phù hợp với định hướng kế hoạch và diễn biến theo chiều hướng có lợi đối với các sản phẩm cơ bản của Tổng công ty.

Bên cạnh những thuận lợi, Tổng công ty còn phải đối mặt với không ít khó khăn đó là:

- Điều kiện sản xuất gặp nhiều khó khăn: tại Mỏ đồng Sin Quyền diện sản xuất chật hẹp, thiếu bãi đổ thải, dừng sản xuất do ảnh hưởng sạt lở bờ trụ khu Đông; mỏ đồng Vi Kẽm sản lượng khai thác thấp do phải tập trung hoàn thiện các biện pháp khai thác nhằm đảm bảo an toàn ...; mỏ thiếc Tĩnh Túc chủ yếu khai thác lại bãi thải; Khu Nam mỏ sắt Nà Rua dừng khai thác do hết trữ lượng trong khi khu Bắc chưa có mặt bằng để khai thác.

- Công tác cung ứng nguyên liệu (mua ngoài) phục vụ sản xuất còn gặp nhiều khó khăn do nguồn cung trên thị trường giảm, có sự cạnh tranh lớn (quặng

sắt các loại, tinh quặng kẽm, ...). Riêng Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng nguyên liệu mua ngoài chiếm ~93% tổng nhu cầu sử dụng/năm, phải cạnh tranh khốc liệt với các nhà sản xuất cùng ngành trong nước. Tinh quặng đồng mua ngoài cho Luyện đồng không ổn định về chất lượng, hàm lượng dẫn đến phải liên tục điều chỉnh tỷ lệ phối trộn và công nghệ luyện. Giá phôi thép chịu sự cạnh tranh khốc liệt với phôi thép nhập khẩu từ Trung Quốc.

- Các thủ tục pháp lý điều chỉnh chủ trương đầu tư, công tác đền bù GPMB, chuẩn bị đầu tư gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là Luật Đất đai có hiệu lực từ 01/7/2024 làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư, thực hiện phương án xử lý sạt lở khu Đông mỏ Sin Quyền.

- Bão số 3 (Siêu bão Yagi) là cơn bão mạnh nhất đổ bộ vào Biển Đông trong suốt 30 năm qua gây thiệt hại rất nặng nề về người và tài sản tại nhiều địa phương. Mưa lớn dài ngày gây sạt lở đất, lũ ống, lũ quét xảy ra tại nhiều địa bàn các tỉnh Lào Cai, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên... nơi các đơn vị của Tổng công ty hoạt động khai thác khoáng sản. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con của Tổng công ty đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng về công trường khai thác, dây chuyền sản xuất, hư hại nhiều tài sản, hạ tầng giao thông, gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh.

Mặc dù vậy, bằng việc xây dựng kế hoạch điều hành chi tiết và triển khai nhiều nhóm giải pháp kịp thời, đồng bộ, năm 2024 Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tổng công ty cũng đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Tập đoàn TKV, các địa phương, Bộ, ngành để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình SXKD từ khai thác mỏ, điều chỉnh cơ cấu nguyên liệu các Nhà máy luyện kim, điều hành tiêu thụ, hỗ trợ bố trí vốn ... năm 2024, Tổng công ty Khoáng sản – TKV đã kịp thời đưa ra các biện pháp điều chỉnh, điều hành thực hiện kế hoạch SXKD. Kết thúc năm, các chỉ tiêu chủ yếu về giá trị và sản lượng cơ bản đạt và vượt so với kế hoạch; trong đó chỉ tiêu nộp ngân sách tăng cao (nộp 1.577 tỷ đồng, bằng 144%KH năm); đảm bảo việc làm, tiền lương cho người lao động.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2024 như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 13.269 tỷ đồng/12.048 tỷ đồng KH, bằng 110% KHN (Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 12.514 tỷ đồng/11.533 tỷ đồng KH, đạt 108,51% KHN và bằng 107,35% cùng kỳ 2023).

- Lợi nhuận: 1.497 tỷ đồng/300 tỷ đồng KH, đạt 499% KHN. Trong đó: Công ty mẹ lãi 1.538 tỷ đồng/256 tỷ đồng KH

- Nộp ngân sách: 1.651 tỷ đồng, bằng 144%KH năm.

- Tổng số lao động bình quân: 5.015 người.

- Thu nhập bình quân: 16,457/15,3 trđ/ng/tháng/KH, bằng 107,6%KH

- Sản xuất: Các dây chuyền công nghệ khai thác, tuyển khoáng, luyện kim quặng đồng, thiếc, kẽm, tinh quặng sắt... hoạt động tương đối ổn định; việc cung ứng nguyên liệu cho sản xuất năm 2024 được đảm bảo. Các sản phẩm sản xuất cơ bản đạt kế hoạch đề ra.

TT	Sản phẩm	ĐVT	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ ss TH 2024 (%)	
					Với CK 2023	Với KH 2024
I	Sản xuất chủ yếu					
1	Tinh quặng đồng 25%Cu (MĐV)	Tấn	74.080	73.742	109,18	99,54
	- NM1 (quy 25% Cu)	"	37.189	35.325	109,99	94,99
	- NM2 (quy 25% Cu)	"	36.891	38.417	108,44	104,14
2	Đồng cathode	Tấn	30.000	30.079	103,09	100,26
3	Kẽm thỏi	Tấn	8.215	9.159	103,90	111,49
	- Từ nguyên liệu tự sản xuất	"	8.215	9.159	103,90	111,49
4	Thiếc thỏi (qui từ TQ 70%Sn)	Tấn	140	210	137,0	150,11
5	Tinh quặng sắt (Kíp tước + MĐV)	Tấn	202.501	205.220	103,35	101,34
	- Mô Tuyền (quy HL 60%Fe)	"	124.196	122.309	96,52	98,48
	- Kíp Tước KS3 (HL 60%Fe)	"	78.305	82.911	115,38	105,88
6	Axit Sunfuric	Tấn	138.666	142.275	110,16	102,60
	- Công ty mẹ	"	127.890	129.392	114,10	101,17
	- KLM TN	"	10.776	12.883	81,79	119,55
7	Vàng thỏi	Kg	956	845	87,88	88,44
8	Bạc thỏi	Kg	1.832	2.113	121,19	115,33
9	Phôi thép	Tấn	220.000	170.240	82,42	77,38
10	Tinh quặng chì (quy 50% Pb)	Tấn	3.677	3.907	89,91	106,27
II	Tiêu thụ chủ yếu					
1	Đồng cathode	Tấn	30.000	30.082	98,73	100,27
2	Kẽm thỏi	Tấn	8.215	9.158	78,82	111,47
3	Thiếc thỏi	Tấn	140	210	137,3	150,11
4	Tinh quặng sắt (Kíp tước + MĐV)	Tấn	197.000	187.902	80,02	95,38
	- Cty mẹ	"	117.000	116.290	84,19	99,39
	- Kíp Tước (KS3)	"	80.000	71.612	74,07	89,52
5	Axit Sunfuric	Tấn	138.276	139.368	106,60	100,79
6	Vàng thỏi	Kg	952	852	87,60	89,53
7	Bạc thỏi	Kg	1.830	1.976	114,32	108,00
8	Phôi thép	Tấn	220.000	164.259	85,08	74,66
9	Tinh quặng chì	Tấn	3.405	3.396	65,74	99,74

*** Những thay đổi chủ yếu trong năm:**

- Tại Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai:

(i) Khai trường khu Đông đang trong giai đoạn kết thúc khai thác theo Giấy phép KTKS số 1868 nên không gian khai thác chật hẹp, ít diện sản xuất, moong khai thác ngày càng xuống sâu, nước ngầm lớn. Do ảnh hưởng thời tiết cực đoan gây sạt trượt xuống bờ tầng và moong khai thác phía dưới, làm hư hỏng công trình thoát nước mặt khu Đông, moong khai thác ngập nước dẫn đến cuối tháng 10/2024 thực hiện xong bơm thoát nước để đưa mỏ sản xuất trở lại.

(ii) Khai trường khu Tây do sự cố nứt nẻ, sạt trượt toàn bộ bờ trụ nên chủ yếu tập trung khai thác thu hồi tối đa khối lượng quặng trong ranh giới Giấy phép KTKS số 1868; từ tháng 06/2024 đã dừng khai thác.

- Đối với các đơn vị khác, do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 3 Yagi, các đơn vị bị thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, vật tư, hàng hóa, hư hỏng nhiều tuyến đường giao thông, khu vực dân sinh, sạt lở nhiều công trình hạ tầng phục vụ sản xuất,... ảnh hưởng lớn tới sản xuất.

- Trong năm 2024 đã tích cực triển khai công tác CNTT, CDS. Tổng công ty đã chỉ đạo quyết liệt và ban hành Đề án CDS Vimico và kế hoạch tiến trình thực hiện CDS với định hướng đến 2030 sẽ trở thành Doanh nghiệp số; quán triệt chuyển đổi nhận thức về CDS, vai trò các đối tượng nhân sự tham gia CDS, Nhận diện các thuận lợi và thách thức trong CDS; Thực hiện kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số và các tổ giúp việc ban chỉ đạo chuyển đổi số theo hướng dẫn của Tập đoàn TKV.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Hội đồng quản trị:

2.1.1. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT

+ Năm sinh: 1968

+ Trình độ: Kỹ sư Khai thác mỏ;

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Hải bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1998; từng giữ các chức vụ Phó Quản đốc/Quản đốc Phân xưởng, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản), Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Khoáng sản. Ông Nguyễn Văn Hải được bầu giữ chức vụ Thành viên chuyên trách HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 10/2015; ngày 15/5/2019 được bầu làm Chủ tịch HĐQT thay ông Vũ Văn Long; ngày 25/3/2020 tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Trưởng Ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học MT - Vinacomin; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đồng Tà Phời - Vinacomin; Chủ tịch Công ty TNHH Vinacomin - Lào; Chủ tịch Công ty liên doanh Alumina (Campuchia-Việt Nam).

2.1.2. Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

+ Năm sinh: 1972

+ Trình độ: Kỹ sư điện khí hóa - Cung cấp điện

+ Quá trình công tác: Ông Trịnh Văn Tuệ bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1992; từng giữ các chức vụ Đốc công, Phó Quản đốc/Quản đốc Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai; Phó Giám đốc/Giám đốc Công ty Luyện đồng Lào Cai (02 đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản); Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 8/2015; Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020 từ tháng 9/2016. Ngày 16/3/2018, ông Tuệ được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Ngày 25/3/2020, ông Tuệ tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025. Ngày 10/3/2023, ông Tuệ được HĐQT bổ nhiệm lại giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty, có hiệu lực kể từ ngày 16/3/2023.

2.1.3. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên chuyên trách HĐQT:

+ Năm sinh: 1967

+ Trình độ: Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên, Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: Ông Đặng Đức Hưng bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2007; từng giữ các chức vụ Phó phòng/Trưởng phòng Mỏ địa chất Tổng công ty. Ông Đặng Đức Hưng được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 11/2015. Ngày 16/3/2018, ông Hưng được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Ngày 25/3/2020, ông Hưng tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025; ngày 02/4/2020, ông Đặng Đức Hưng được thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc để giao nhiệm vụ Thành viên chuyên trách HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.

2.1.4. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

+ Năm sinh: 1973

+ Trình độ: Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: Ông Ngô Quốc Trung bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2010; từng giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản từ 2010 đến 2018; Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020. Ông Trung được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 7/2018 đến nay. Ngày 25/3/2020 tiếp tục được bầu làm Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico và Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

2.1.5. Ông Nguyễn Văn Thái - Thành viên HĐQT độc lập

+ Năm sinh: 1959

+ Trình độ: Kỹ sư Tuyển khoáng

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Thái bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2006, từng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản; từ tháng 11/2019 đã nghỉ hưu. Ông Nguyễn Văn Thái được bầu là Thành viên HĐQT độc lập Tổng công ty Khoáng sản nhiệm kỳ 2020-2025 từ ngày 25/4/2023 đến nay.

2.2. Ban Kiểm soát: Gồm Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát viên.

2.2.1. Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát:

+ Năm sinh: 1972

+ Trình độ: Cử nhân Tài chính kế toán

+ Quá trình công tác: Ông Lương Văn Lĩnh bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2009, từng giữ chức vụ Phó phòng Tài chính kế toán Tổng công ty; Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020. Ông Lương Văn Lĩnh tiếp tục được bầu giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025.

2.2.2. Ông Phạm Xuân Phong - Thành viên Ban kiểm soát

+ Năm sinh: 1964

+ Trình độ: Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: hiện là Phó Trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam. Ông Phạm Xuân Phong đã từng giữ

chức vụ Trưởng phòng Kế toán tổng hợp Ban Kế toán - Tập đoàn TKV, thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2017-2020. Ông Phạm Xuân Phong tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025 từ ngày 25/3/2020.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Than Miền Trung - TKV; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Thiết Bị Điện Cẩm Phả; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Cơ Khí Hòn Gai - Vinacomin;

2.2.3. Ông Nguyễn Nam Hưng - Thành viên Ban Kiểm soát:

+ Năm sinh: 1978

+ Trình độ: Kỹ sư cơ điện

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Nam Hưng bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2007; từng giữ các chức vụ Phó Trưởng ban QLDA MRNCS Nhà máy luyện đồng, Phó trưởng phòng Cơ điện Tổng công ty. Từ tháng 02/2019 đến nay giữ chức vụ Trưởng phòng Cơ điện Tổng công ty. Ông Nguyễn Nam Hưng được bầu là Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025 từ ngày 25/3/2020.

2.3. Ban Giám đốc: Gồm Tổng Giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

2.3.1. Ông Trịnh Văn Tuệ - Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT.

2.3.2. Ông Đào Minh Sơn - Phó Tổng Giám đốc:

+ Năm sinh: 1963

+ Trình độ: Kỹ sư máy và thiết bị mỏ

+ Quá trình công tác: Ông Đào Minh Sơn bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1987; từng giữ các chức vụ Phó Quản đốc/Quản đốc XN Thiếc Bắc Lũng - Tuyên Quang, Đốc công, Phó Giám đốc, Giám đốc XN liên doanh đồng Lào Cai, Phó Ban QLDA Tổ hợp đồng Sin Quyền, Phó Phòng/Trưởng phòng Cơ điện, Trưởng phòng TCCB&ĐT Tổng công ty Khoáng sản. Ông Đào Minh Sơn được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 8/2015. Ngày 06/10/2020 được bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Ngày 01/09/2024 đã nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí.

2.3.3. Ông Ngô Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT.

2.3.4. Ông Lý Xuân Tuyên - Phó Tổng giám đốc

+ Năm sinh: 1980

+ Trình độ: Kỹ sư Tuyển khoáng

+ Quá trình công tác: Ông Lý Xuân Tuyên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2005; Từ tháng 07/2009 đến tháng 05/2010 Quản đốc PX Tuyển khoáng kiêm Phó chủ tịch Công đoàn Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Tháng 8/2013 đến 11/2019: Giám đốc Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico. Ông Lý Xuân Tuyên được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ ngày 05/11/2019.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản và Luyện

Kim Cao Bằng; Chủ tịch HĐQT CTCP Kim loại màu Thái Nguyên.

2.3.5. Ông Lê Tuấn Ngọc

+ Năm sinh: 1970

+ Trình độ: Thạc sĩ kinh tế QTKD; Kỹ sư Khai thác mỏ

+ Quá trình công tác: Ông Lê Tuấn Ngọc bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2001; Từ tháng 10/2011 - 3/2012 Phó phòng, Phụ trách phòng Mỏ - Địa chất Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin; Tháng 4/2012 - 22/02/2021: Trưởng phòng Mỏ - Địa chất Tổng công ty Khoáng sản - TKV Ông Lê Tuấn Ngọc được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ ngày 23/02/2021.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản 3 - Vimico.

2.3.6. Ông Đặng Xuân Tuyên

+ Năm sinh: 1968

+ Trình độ: Thạc sĩ Khai thác mỏ

+ Quá trình công tác: Ông Đặng Xuân Tuyên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2006; Từ tháng 03/2007 - 8/2008 Phó trưởng phòng Đầu tư phát triển Tổng công ty Khoáng sản; Tháng 9/2008 - 08/2014: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Gang thép Lào Cai; Từ tháng 9/2014 - 12/2014 Trưởng phòng Đầu tư phát triển Tổng công ty Khoáng sản-TKV; Từ 01/2015 - 10/2023 Trưởng Ban QLDA mở rộng NCS Nhà máy Luyện đồng Lào Cai; Từ tháng 11/2023- 06/6/2024 Trưởng ban, Phụ trách phòng KH Tổng công ty. Ông Đặng Xuân Tuyên được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ ngày 07/06/2024.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư - Gang thép Lào Cai.

2.3.7. Ông Nguyễn Văn Viên - Kế toán trưởng:

+ Năm sinh: 1981

+ Trình độ: Kỹ sư Kế toán doanh nghiệp

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Viên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2009; từng giữ các chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Ông Nguyễn Văn Viên được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 7/2018.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch và thương mại Bằng Giang.

*** Năm 2024, Vimico đã có 03 thay đổi trong Ban giám đốc.**

Thôi giữ chức vụ PTGD: Ông Bùi Tiến Hải từ ngày 15/02/2024 do chuyển công tác và ông Đào Minh Sơn từ ngày 01/9/2024 do nghỉ chế độ hưu trí.

Ông Đặng Xuân Tuyên được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ ngày 07/06/2024.

2.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cán bộ quản lý:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP nắm giữ		Tỷ lệ % (tổng số CP)
			Ủy quyền	Sở	

				hữu	
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	196.117.900	0	98,0589
2	Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT, TGD	0	5.000	0,00250
3	Đặng Đức Hưng	Thành viên chuyên trách HĐQT	0	0	0
4	Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT, Phó TGD	0	0	0
5	Nguyễn Văn Thái	Thành viên HĐQT độc lập	0	0	0
II	Ban kiểm soát				
1	Lương Văn Lĩnh	Trưởng Ban kiểm soát	0	0	0
2	Phạm Xuân Phong	Kiểm soát viên	0	0	0
3	Nguyễn Nam Hưng	Kiểm soát viên	0	0	0
III	Ban Điều hành				
1	Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT, TGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		
2	Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT, Phó TGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		
3	Lý Xuân Tuyên	Phó TGD	0	5.000	0,00250
4	Lê Tuấn Ngọc	Phó TGD	0	0	0
5	Đặng Xuân Tuyên	Phó TGD	0	0	0
6	Nguyễn Văn Viên	Kế toán trưởng	0	0	0

2.5. Số lượng CBCNV, chính sách và thay đổi chính sách đối với NLD:

2.5.1. Số lượng CBCNV:

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số CBCNV theo danh sách toàn Tổng công ty (bao gồm các Công ty con) là 5.030 người. Tổng số lao động trong khối Công ty mẹ - Tổng công ty là 2.671 người. Cơ cấu, chất lượng lao động như sau:

- Theo giới tính: Nam 3.992 người chiếm 79,36%; nữ 1.038 người chiếm 20,64% (trong đó khối Công ty mẹ: nam 2.194 người chiếm 82,14%; nữ 477 người chiếm 17,86%)

- Theo trình độ: Tiến sỹ, thạc sỹ 71 người 1,41%; Kỹ sư, cử nhân 1.048 người chiếm 20,83%; Cao đẳng 379 người chiếm 7,53%; Trung cấp 1.066 người chiếm 21,19%; CNKT 2.466 người chiếm 49,03% (Trong đó Công ty mẹ: Tiến sỹ, thạc sỹ 48 người chiếm 1,80%; Kỹ sư, cử nhân 588 người chiếm 22,01%; Cao đẳng 281 người chiếm 10,52%; Trung cấp 492 người chiếm 18,42%; CNKT 1.262 người chiếm 47,25%).

2.5.2. Chính sách đối với lao động:

Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động, đồng thời tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Các chính sách, chế độ đãi ngộ với người lao động đang được thực hiện tại Vimico như sau:

- Được xếp lương, nâng bậc, nâng ngạch theo đúng quy định; được tham gia BHXH, BHYT, BHTN... và giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước; được hưởng các chế độ trợ cấp khi nghỉ việc theo đúng quy định (trợ cấp thôi việc, mất việc làm).

- Được thực hiện đầy đủ chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi (nghỉ phép, nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ tết, nghỉ việc riêng hoặc làm thêm giờ...).

- Được xem xét, đề nghị các cấp khen thưởng khi có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc có thành tích đột xuất. - Được xem xét cử tham gia các lớp bồi dưỡng, khóa tập huấn, đào tạo, hội thảo theo yêu cầu công việc nhằm nâng cao khả năng quản trị kinh doanh, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị.

- Được đảm bảo việc làm và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển sự nghiệp. - Được tham gia các tổ chức Đoàn thể của Vimico.

- Được cấp phát đồng phục, trang bị phương tiện làm việc.

- Được tổ chức Công đoàn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần: Khám sức khỏe định kỳ, thăm quan nghỉ mát, thăm hỏi khi ốm đau, hiếu hỷ,...

- Được tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể quần chúng giúp đỡ, tạo điều kiện phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ của Đảng nếu có nguyện vọng.

2.5.3. Những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Hàng năm tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn cho CBCNV nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ quản lý, người lao động.

- Trong năm 2024, Tổng công ty tiếp tục thực hiện các văn bản đã ban hành, còn hiệu lực thi hành liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi, chế độ chính sách đối với người lao động, trong đó thực hiện giải quyết chế độ quyền lợi của người lao động theo mức lương cơ sở mới nhà nước quy định có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 và sửa đổi, bổ sung một số quy chế, quy định liên quan đến chế độ, quyền lợi của người lao động như sau:

- Ban hành Quy chế quản lý cán bộ của Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 01/QĐ-VIMICO ngày 04/01/2024;

- Ban hành Quy chế quản lý Xuất nhập cảnh đối với Cán bộ, Công nhân viên, Người lao động trong Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 02/QĐ-VIMICO ngày 02/01/2024;

- Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 70/QĐ-VIMICO ngày 18/01/2024;

- Ban hành Quy định thưởng mục tiêu công tác ATVSLĐ năm 2024 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV được ban hành tại Quyết định số 122/QĐ-VIMICO ngày 06/02/2024;

- Ban hành Quy chế quản lý vật tư của Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 264/QĐ-VIMICO ngày 21/3/2024;

- Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 456/QĐ-VIMICO ngày 27/5/2024;

- Ban hành Quy chế tuyển dụng và sử dụng lao động trong Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 865/QĐ-VIMICO ngày 04/9/2024;

- Ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động Công ty mẹ VIMICO và các công ty con, Công ty có vốn đầu tư của VIMICO tại Quyết định số 979/QĐ-VIMICO ngày 04/10/2024;

- Ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 1080/QĐ-VIMICO ngày 05/11/2024;

- Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương Công ty mẹ - Tổng công ty tại Quyết định số 1144/QĐ-VIMICO ngày 18/11/2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2024).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các Dự án:

3.1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2024:

Tổng công ty: Thực hiện giá trị khối lượng đầu tư năm 2024: 312.668 triệu đồng bằng 99,18% kế hoạch tổng thể năm 2024 (315.256 triệu đồng).

(Chi tiết như Biểu 01 thực hiện đầu tư Tổng công ty).

3.2. Tình hình thực hiện các dự án năm 2024:

- Trong năm đơn vị đã tích cực thực hiện đầu tư theo kế hoạch được giao, trong kỳ đã và đang triển khai thực hiện trả nợ khối lượng năm trước cho 01 dự án, đầu tư cho 13 dự án chuyển tiếp và 26 dự án khởi công mới, kết quả cụ thể như sau:

i) Đối với dự án trả nợ khối lượng năm trước:

Năm 2024, kế hoạch trả nợ khối lượng năm trước có 01 dự án nhóm B (dự án Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai), trong năm đã hoàn thành trả nợ với giá trị là 64.566 triệu đồng; dự án đã hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2024 với giá trị quyết toán là 408.512 triệu đồng (QĐ số 1591/QĐ-VIMICO ngày 31/12/2024).

ii) Đối với các dự án chuyển tiếp:

+ Ngoài 02 dự án (Đất hiếm Lai Châu và mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ) do các vướng mắc chưa được tháo gỡ; 11 dự án còn lại đã thực hiện đạt hoặc vượt kế hoạch giá trị khối lượng;

+ Đã thực hiện hoàn thành cho 08 dự án/13 dự án chuyển tiếp; Giá trị thực hiện đạt 92.684 triệu đồng.

iii) Đối với dự án khởi công mới:

+ Đã hoàn thành dự án Xây dựng cầu Sin quyền (dự án vượt tiến độ mục tiêu thi đua gắn biển chào mừng 30 năm ngày thành lập TKV);

+ Đã triển khai thực hiện 26 dự án đạt tiến độ và giá trị khối lượng theo kế hoạch; Giá trị thực hiện đạt 145.224 triệu đồng.

iv) Đối với các dự án thuộc kế hoạch chuẩn bị dự án: Phần việc chuẩn bị đầu tư đã triển khai theo kế hoạch. Giá trị thực hiện đạt 10.195 triệu đồng.

- Trong năm mặc dù kết quả thực hiện đầu tư đạt xấp xỉ kế hoạch giao nhưng một số dự án trọng điểm vẫn còn vướng mắc chưa được tháo gỡ làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Tổng công ty, cụ thể:

+ Dự án Khai thác chế biến quặng đất hiếm Đông Pao, Lai Châu: Khó khăn đã tồn tại nhiều năm (về công nghệ chế biến, thị trường, thu xếp vốn, đối tác hợp tác đầu tư) và một số vướng mắc, việc chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện việc nghiên cứu mẫu công nghệ; Đến nay còn nợ 110 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

+ Dự án Khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ: Dự án đang tạm dừng; Khó khăn trong việc điều chỉnh chủ trương đầu tư.

+ Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền: Vướng quy hoạch sử

dụng đất, quyền khai thác khoáng sản, chồng lấn, ..cần được các Bộ ngành giải quyết để được UBND tỉnh Lào Cai chấp thuận chủ trương đầu tư.

+ Dự án Đầu tư dây chuyền cán thép tại khu LHGT Cao Bằng: Công ty GTCB đang thời kỳ khó khăn, Cổ đông ngoài chưa thông qua chủ trương đầu tư dự án này.

+ Dự án đầu tư khai thác mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép: Khó khăn trong việc tính toán lựa chọn phương án khai thác hiệu quả do hàm lượng khoáng sản thấp, điều kiện khai thác khó khăn, làm tăng chi phí và giá thành sản xuất (theo Báo cáo nghiên cứu khả thi, với giá bán thiếc thời phải đạt ≥ 40.000 USD/tấn thì dự án mới có hiệu quả).

BIỂU 01: THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	TH NĂM 2023	TH NĂM 2024	Ghi chú
	Giá trị đầu tư	758.982	312.668	
1	Dự án nhóm A	276.000	0	
1.1	Mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai (Giai đoạn I: 3 vạnT/n)	276.000	0	Dự án hoàn thành thực hiện năm 2023, năm 2024 hoàn thiện hồ sơ quyết toán dự án (QĐ số 348/QĐ-HDQT ngày 23/4/2024).
2	Dự án nhóm B	370.767	102.492	
2.1	Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, LC	86.505	64.566	
2.2	Dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng - Tổng Công ty khoáng sản Vinacomin đạt 350.000 tấn/năm	0	35.732	Năm 2024 bổ sung dự án vào kế hoạch để triển khai thực hiện tiếp
2.3	Dự án đầu tư XDCT khai thác, chế biến quặng đất hiếm mỏ Đồng Pao - Tam Đường - Lai Châu (Phần mỏ tuyển)	1.172	0	
2.4	Dự án đầu tư xây dựng công trình: Khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh xã Võ Lao, Làng Cọ xã Văn Sơn, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	97	177	
2.5	Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2022 - Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền, LC	279.869	0	
2.6	Mở rộng nâng công suất mỏ đồng SQ	3.124	1.948	
2.7	Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2025 - Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai	0	69	

3	Dự án nhóm C	112.215	210.176	
	Đầu tư duy trì SXKD của Tcty	112.215	210.176	

3.3. Đầu tư tài chính tại các Công ty con, Công ty liên kết năm 2024:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Ghi chú
I	Công ty con CP chi phối	4.244.853	- 98.304	- 126.402	
1	CTCP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	1.163.903	86.547	68.950	
2	CTCP Gang thép Cao Bằng	2.188.863	-160.349	- 160.349	
3	CTCP Khoáng sản & Luyện Kim Cao Bằng	124.043	11.946	5.638	
4	CTCP Du lịch & Thương mại Bằng Giang Cao Bằng	15.036	351	351	
5	CTCP Khoáng sản 3 - Vimico	146.998	7.928	3.868	
6	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai	394	- 2.650	- 2.650	
7	CTCP Đất hiếm Lai Châu - Vimico	605.344	- 42.076	- 42.209	
II	Công ty liên kết	855.996	55.876	44.436	
1	CTCP Đá Quý và Vàng HN	5.788	540	405	
2	CTCP Xi măng Tân Quang	850.208	55.335	44.031	

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	9.393.929.962.955	9.613.760.377.609	2,34%
Doanh thu thuần	11.918.106.852.435	13.252.786.414.491	11,20%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	308.118.783.117	1.635.286.896.476	430,73%
Lợi nhuận khác	-36.677.513.669	-69.491.895.479	89,47%
Lợi nhuận trước thuế	271.441.269.448	1.565.795.000.997	476,84%
Lợi nhuận sau thuế	189.542.940.341	1.219.272.890.305	543,27%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%	dk ≥ 6%	20%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: lần

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,90	1,06	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,30	0,39	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,58	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,17	1,39	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,62	5,14	
+ Vòng quay tổng tài sản	1,19	1,39	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,02	0,09	
+ Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu	0,06	0,35	
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,02	0,13	
+ Hệ số LN từ hoạt động KD/DT thuần	0,03	0,12	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2024:

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
200.000.000	Cổ phần phổ thông	199.085.200	758.800

Danh sách cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
Cổ đông thể nhân	3.882.100	758.800	Theo thời gian cam kết làm việc tại DN

5.2. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông sáng lập: Không có
- Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ Vimico:

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	5700100256	Số 226 Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	196.117.900	98,06 %

- Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông Nhà nước	1	196.117.900	98,0589%
II	Cổ đông trong nước	2254		
1	Cá nhân	2247	3.824.100	1,912%
2	Tổ chức	7	57.700	0,000029%
III	Cổ đông nước ngoài	1		

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cá nhân	1	300	0,0000015%
2	Tổ chức	0	0	0
	TỔNG CỘNG	2256	200.000.000	100%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Các cơ sở sản xuất của Tổng công ty thực hiện công tác BVMT theo quy định của pháp luật. Trong năm 2024 do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi), tại Chi nhánh KLM Bắc Kạn - Công ty CP KLM Thái Nguyên có mưa lớn và kéo dài tại khu vực thượng nguồn suối Khuổi Đeng bên cạnh xưởng tuyển có địa hình dốc, đồi núi cao tạo nên lũ lớn đột ngột, đã xảy ra sự cố gây sạt lở một phần thân đập làm bùn thải quặng đuôi tràn ra ngoài gây ô nhiễm môi trường; Ngay sau khi có sự cố xảy ra đơn vị chủ động thực hiện báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định và tổ chức triển khai, phối hợp với chính quyền địa phương để kịp thời khắc phục sự cố và thống kê đền bù thiệt hại đối với các khu vực và các hộ dân bị ảnh hưởng bởi sự cố; Sau thời gian tập trung khắc phục sự cố môi trường, ngày 26/12/2024 Xưởng tuyển nổi kẽm, chì Chợ Điện của Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn đã được phép sản xuất trở lại, dự kiến đến tháng 5 năm 2025 đơn vị mới có thể hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc, thủ tục pháp lý theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước; Các đơn vị khác trong Tổng công ty không xảy ra các sự cố nghiêm trọng về môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Việc quản lý nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất được kiểm soát chặt chẽ thông qua các giải pháp kỹ thuật và hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật. Bên cạnh đó đã áp dụng và tăng cường công tác quản lý thông qua các quy chế, quy trình lựa chọn NCC của TKV; Quy trình sản xuất, công tác quản lý kỹ thuật và biện pháp xử lý công nghệ linh hoạt được VIMICO ưu tiên chú trọng, nên đảm bảo nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

6.3.1. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Năng lượng tiêu thụ tập trung chủ yếu của Công ty mẹ ở 02 đơn vị khai thác, sản xuất trực tiếp khoáng sản kim loại màu là Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico và Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico.

Năm 2024, Công ty mẹ - Tổng công ty tiêu thụ:

- Điện năng: 185,556 triệu kWh, trong đó:

+ CN Mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Lào Cai - Vimico: 72,696 triệu kWh.

+ CN Luyện đồng Lào Cai - Vimico: 112,859 triệu kWh.

- Xăng, dầu các loại: 19,765 triệu lít, trong đó:

+ CN Mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Lào Cai - Vimico: 15,889 triệu lít.

+ CN Luyện đồng Lào Cai - Vimico: 3,876 triệu lít.

6.3.2. Công tác sử dụng nhiên liệu, điện năng:

Trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty luôn chỉ đạo các đơn vị sản xuất thực hiện tốt các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất. Đồng thời chú trọng việc

xây dựng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giải pháp kỹ thuật và tuyên truyền, vận động người lao động nâng cao ý thức trách nhiệm về quản lý, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và an toàn trong sản xuất. Chủ động, tích cực trong việc thực hiện, theo dõi và quản lý các chỉ tiêu định mức tiêu thụ năng lượng phù hợp cho mỗi loại sản phẩm đến các bộ phận sản xuất và người lao động. Đối với những công đoạn sản xuất độc lập hoặc dây chuyền sản xuất có những thiết bị hoạt động không liên tục mà không cần thiết phải hoạt động trong giờ cao điểm đều được bố trí cho hoạt động sản xuất ngoài giờ cao điểm.

- Áp dụng các giải pháp quản lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành trong chiếu sáng công cộng, thiết bị công nghệ; Thay thế các đèn chiếu sáng bằng đèn tiết kiệm điện; Triển khai các giải pháp công nghệ tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện cho 100% công trình chiếu sáng công cộng xây dựng mới. Thay thế dần các loại Aptomat, Contactor điều khiển động cơ điện của các thiết bị trong các dây chuyền tuyển khoáng, luyện kim bằng các loại biến tần phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc chỉnh định công nghệ, đồng thời tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong các công đoạn sản xuất.

6.4. Tiêu thụ nước:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty tập trung tại khu vực Lào Cai, nguồn nước cung cấp cho Nhà máy tuyển đồng Sin Quyền chủ yếu lấy từ suối Ngòi Phát, Bát Xát; nguồn nước cung cấp cho Nhà máy Luyện đồng Lào Cai từ nhà máy nước khu vực xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng (cung cấp cho Nhà máy 1) và từ suối Pò Cũ xã Bản Vược, Bát Xát (cung cấp cho Nhà máy 2), với lượng nước sử dụng như sau:

a. Nhà máy tuyển đồng Sin Quyền:

Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	12.176.735 m ³
--	---------------------------

Trong đó

+ Lượng nước bổ sung	3.653.020 m ³
----------------------	--------------------------

+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~70%)	8.523.715 m ³
--	--------------------------

b. Nhà máy Luyện đồng Lào Cai:

Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	703.798 m ³
--	------------------------

Trong đó

- Tại Nhà máy Luyện đồng số 1:

Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	186.969 m ³
--	------------------------

+ Lượng nước bổ sung	18.696 m ³
----------------------	-----------------------

+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~90%)	168.273 m ³
--	------------------------

- Tại Nhà máy Luyện đồng số 2:

Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	516.829 m ³
--	------------------------

+ Lượng nước bổ sung	51.682 m ³
----------------------	-----------------------

+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~90%)	465.147 m ³
--	------------------------

c. Tổng lượng nước Công ty mẹ - Tổng công ty sử dụng:

	12.880.533 m ³
--	---------------------------

Trong đó

+ Lượng nước bổ sung	3.723.398 m ³
----------------------	--------------------------

+ Lượng nước tuần hoàn tái sử dụng

9.157.135 m³

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Năm 2024, các đơn vị trong Tổng công ty đã cơ bản thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Năm 2024, tổng số lao động bình quân trong Công ty mẹ - Tổng công ty là 2.686 người, tiền lương bình quân 20,01 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Chi tiết đã trình bày tại mục 2.5.2, phần II.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2024 đã được phê duyệt tại Quyết định số 135/QĐ-VIMICO ngày 07/02/2024, trong năm 2024 Tổng công ty tổ chức đào tạo 02 lớp CNKT khai thác mỏ hầm lò cung cấp nguồn lao động cho dự án Vi Kẽm, 01 lớp liên thông trung cấp nghề khai thác mỏ hầm lò; Tổng công ty chú trọng tập trung công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn lao động CNKT để cung cấp cho Dự án Vi Kẽm thuộc Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai, tổng số lao động đào tạo năm 2024 là 146 lao động; gồm công nhân vận hành khoan thăm dò 20 lao động; vận hành cầu trục xe nâng 25 lao động; vận hành thiết bị hầm lò 40 lao động; sơ cấp hầm lò 28 lao động; sơ cấp khai thác mỏ hầm lò 33 lao động đã tốt nghiệp.

Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị, năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, chuyên môn nghiệp vụ các lĩnh vực gồm: Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ phòng, ban quản lý các đơn vị và Cơ quan Tổng công ty theo chương trình đào tạo của TKV, Chương trình tự đào tạo theo KH đào tạo đã được phê duyệt. Chú trọng công tác đào tạo, luân chuyển cán bộ quản lý, bồi dưỡng nghiệp vụ; cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch đào tạo của TKV với tổng số 45 lớp, hơn 550 lượt người tham gia, tổng kinh phí chi cho công tác đào tạo năm 2024: 6,703 tỷ đồng. Thực hiện chương trình tự đào tạo theo kế hoạch được phê duyệt, theo đó trong năm 2024 Tổng công ty đã tổ chức thực hiện tự đào tạo 04 lớp với tổng số người được huấn luyện đào tạo trên 300 lượt người

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2024 Tổng công ty đã tích cực tham gia và thực hiện tốt hoạt động an sinh xã hội, Vận động NLD đóng góp xây dựng các quỹ từ thiện (Quỹ mái ấm công đoàn, Quỹ phụ nữ nghèo). Tổng công ty trích từ chi phí, từ quỹ khen thưởng, từ quỹ phúc lợi ủng hộ địa phương, đơn vị, gia đình người lao động khó khăn; tặng quà, hỗ trợ gia đình thương binh, gia đình liệt sỹ, ủng hộ các tổ chức, hội tại địa phương; ... Tổng số tiền chi cho công tác an sinh xã hội năm 2024 toàn Tcty là 107,4 tỷ đồng (trong đó: Tài trợ đầu tư công trình Y tế, giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai: 70 tỷ đồng; hỗ trợ xây điểm trường mầm non Sông Hiến, TP Cao Bằng: 20 tỷ đồng; Hỗ trợ UBND huyện Nguyên Bình, Tỉnh Cao Bằng xóa nhà dột nát, nhà tạm: 250 triệu đồng; ủng hộ thôn Ná Nàm, xã Bản

Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai: 175 triệu đồng; hỗ trợ UBND huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai xã hội hóa các hộ nghèo: 183 triệu đồng; ủng hộ xã Bản Hòn, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xây dựng nhà truyền thống dân tộc Lự: 160 triệu đồng).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Chi tiết đã được nêu tại Khoản 1, mục II Báo cáo này)

1.2. Những việc đã làm được:

- Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2024 được TKV phê duyệt, Tổng công ty đã chỉ đạo điều hành các đơn vị căn cứ vào tình hình thực tế sau xây dựng chi tiết kế hoạch điều hành đảm bảo đạt lợi nhuận theo kế hoạch TKV giao. Tập trung thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao năng suất, thực thu khoáng sản có ích, quản trị chi phí, chuẩn bị nguyên liệu cho sản xuất ổn định, ... nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo cụ thể đến các đơn vị trong việc triển khai các dự án đầu tư, công tác quản trị tài nguyên, quản trị chi phí, công tác an toàn, bảo vệ môi trường, việc thực hiện các Đề án thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng ...

- Kịp thời chỉ đạo các đơn vị điều chỉnh kế hoạch SXKD phù hợp với điều kiện sản xuất và diễn biến của thị trường. Tích cực và huy động tốt mọi nguồn lực khắc phục và xử lý các sự cố thiên tai, đặc biệt trong điều kiện ảnh hưởng nặng nề của hoàn lưu bão số 3.

- Tập trung nguồn lực thực hiện các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt; chú trọng các dự án đầu tư duy trì phục vụ sản xuất và Công tác chuẩn bị đầu tư của dự án khai thác nguyên liệu;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, điều hành phù hợp với điều kiện và diễn biến thực tế trong quá trình triển khai các dự án đầu tư, các Đề án thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng, cũng như công tác quản trị chi phí, công tác ATMT.

- Kịp thời điều chỉnh kế hoạch điều hành đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, hiệu quả và đạt mục tiêu chung.

- Đã điều hành thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao các chỉ tiêu KTKT các công đoạn sản xuất, tiết giảm chi phí để hạ giá thành sản phẩm.

- Phối hợp thực hiện chương trình tự động hóa, tin học hóa và chuyển đổi số trong quản lý sản xuất nhằm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông từ đó hỗ trợ công tác quản lý, điều hành sản xuất đạt hiệu quả cao, nhanh chóng, chính xác.

- Đã triển khai thực hiện một số giải pháp để thích ứng với biến động về số lượng và chất lượng đối với nguyên liệu đầu vào của các nhà máy luyện kim.

1.3. Tồn tại, hạn chế:

- Về sản xuất:

+ Công tác đền bù giải phóng mặt bằng chậm so với kế hoạch sử dụng đất đã gây ra các yếu tố tác động ảnh hưởng sản xuất. Luật Đất đai có hiệu lực từ

01/7/2024 làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư, thực hiện phương án xử lý sạt lở khu Đông mỏ Sin Quyền.

+ Điều kiện sản xuất gặp nhiều khó khăn: tại Mỏ đồng Sin Quyền diện sản xuất chật hẹp, thiếu bãi đổ thải, dừng sản xuất do ảnh hưởng sạt lở bờ trụ khu Đông; mỏ đồng Vi Kẽm sản lượng khai thác thấp do phải tập trung hoàn thiện các biện pháp khai thác nhằm đảm bảo an toàn ...; mỏ thiếc Tĩnh Túc chủ yếu khai thác lại bãi thải; Khu Nam mỏ sắt Nà Rua dừng khai thác do hết trữ lượng trong khi khu Bắc chưa có mặt bằng để khai thác.

+ Do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi), các đơn vị trực thuộc, Công ty con của Tổng công ty đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng về công trường khai thác, dây chuyền sản xuất, hư hại nhiều tài sản, hạ tầng giao thông, gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Tình quặng đồng mua ngoài cho Luyện đồng không ổn định về chất lượng, hàm lượng dẫn đến phải liên tục điều chỉnh tỷ lệ phối trộn và công nghệ luyện. Giá phối thép chịu sự cạnh tranh khốc liệt với phối thép nhập khẩu từ Trung Quốc.

- Về đầu tư:

+ Quy hoạch chồng lấn (đất mỏ, đất rừng, đất quốc phòng,...) ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án khai thác mở rộng mỏ đồng Sin quyền;

+ Cơ chế thực hiện tái định cư trong khâu GPMB bất cập vướng mắc, làm chậm tiến độ thực hiện dự án khai thác mỏ sắt Nà rua phục vụ sản xuất tại Công ty GTCB.

+ Một số dự án chậm bước chuẩn bị đầu tư do nhiều nguyên nhân khách quan.

2. Tình hình tài chính và những đánh giá về tài chính: (số liệu chi tiết tại Khoản 4, Mục II Báo cáo này)

Năm 2024, do giá bán các sản phẩm chủ yếu của Tổng công ty tăng cùng với việc quản trị chi phí hiệu quả, kết quả SXKD hoàn thành vượt mức KH ĐHCĐ đã thông qua nên tình hình tài chính của Tổng công ty tương đối tốt.

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản toàn Tổng công ty tăng 219.830 trđ so với số đầu năm, trong đó: tài sản ngắn hạn tăng 1.062.571 trđ; tài sản dài hạn giảm 842.741 trđ.

Tài sản ngắn hạn tăng do: Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 154.843 trđ; Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 22.081 trđ; Các khoản phải thu ngắn hạn tăng: 454.777 trđ, trong đó chủ yếu là tăng phải thu của khách hàng; hàng tồn kho tăng 562.994 trđ; tài sản ngắn hạn khác giảm 132.124 trđ.

Tài sản dài hạn giảm do: tăng các khoản phải thu dài hạn (ký quỹ ký cược) : 4.991 trđ; giảm tài sản cố định 775.112 trđ (tính khấu hao, hao mòn trong kỳ); giảm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản: 157.321 trđ; tăng tài sản dài hạn khác (chủ yếu là chi phí trả trước dài hạn) 84.702 trđ.

b) Tình hình nợ phải trả:

* *Nợ phải trả ngắn hạn:*

Số dư nợ phải trả ngắn hạn toàn Tổng công ty tại ngày 31/12/2024 là: 4.303.260 trđ, tăng so với số đầu năm 400.566 trđ, trong đó chủ yếu do:

- Phải trả cho người bán tăng:	102.213 trđ.
- Người mua trả tiền trước giảm:	11.657 trđ.
- Thuế và các khoản phải nộp tăng:	199.770 trđ.
- Phải trả người lao động tăng :	26.703 trđ.
- Vay và nợ tài chính ngắn hạn tăng:	311.064 trđ.
- Phải trả ngắn hạn khác giảm :	227.527 trđ.

** Nợ phải trả dài hạn:*

Số dư nợ dài hạn toàn Tổng công ty tại ngày 31/12/2024 là: 1.299.918 trđ, giảm so với số đầu năm là 1.240.996 trđ, trong đó: do giảm khoản người mua trả tiền trước: 320.013 trđ; giảm vay và nợ thuê tài chính: 928.380 trđ, tăng các khoản khác: 7.397 trđ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2024, Tổng công ty tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật, của TKV, phù hợp với Điều lệ và mô hình quản lý thực tế của Tổng công ty.

Tiếp tục rà soát, đào tạo, chuẩn bị lao động cho Dự án khai thác mỏ hầm lò Vi Kẽm tại Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Tổng doanh thu: 12.619 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ 8.916 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 1.000 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ 945 tỷ đồng
- Nộp ngân sách: 1.420 tỷ đồng
- Tiền lương bình quân: Toàn Tcty: 15,51 triệu đồng/người/tháng; Công ty mẹ: 18,79 triệu đồng/người/tháng.
- Sản lượng khai thác Mỏ đồng Sin Quyền:
 - + Khối lượng đất đá: 14,0 triệu m³, trong đó: đất đá xử lý sạt lở 6,5 triệu m³, đất đá bóc khai trường 7,5 triệu m³ (có 1,18 triệu m³ thuộc Giấy phép KTKS số 1868 và 6,32 triệu m³ đất đá thải hỗn hợp thuộc Dự án mở rộng đang triển khai);
 - + Quặng nguyên khai: 1,6 triệu tấn, hàm lượng 0,934% Cu.
- Sản lượng khai thác Mỏ đồng Vi Kẽm:
 - + Quặng khai thác: 200.000 tấn, hàm lượng 0,651% Cu.
 - + Đào lò CBSX: 4.215 mét.
- Tinh quặng đồng (quy 25%): 61.442 tấn, trong đó Cty mẹ 60.716 tấn.
- Đồng tấm: 30.000 tấn.
- Axit Sunfuric: 137.240 tấn, trong đó Cty mẹ là 125.864 tấn;
- Tinh quặng sắt: 173.682 tấn, trong đó Cty mẹ là 90.890 tấn;
- Kẽm thời 99,95%Zn (tự sản xuất): 8.152 tấn
- Phôi thép: 165.000 tấn
- Vàng: 806 kg, trong đó Cty mẹ là 805 kg
- Bạc: 2.751 kg
- Giá trị thực hiện ĐTXD: 441 tỷ đồng
- Nộp ngân sách toàn Tcty: 1.420 tỷ đồng.
- Tỷ lệ cổ tức: $\geq 15\%$

4.2. Các sản phẩm chủ yếu sản xuất - tiêu thụ:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Sản xuất	Tiêu thụ
1	Tinh quặng đồng 25%Cu	Tấn	61.442	
	- Trong đó, Công ty mẹ - Tcty	"	60.716	
2	Tinh quặng sắt 60%Fe	Tấn	173.682	197.000
	- Trong đó, Công ty mẹ - Tcty	"	90.890	117.000
3	Đồng cathode	Tấn	30.000	30.000
4	Vàng thời	Kg	806	952
	- Trong đó, Công ty mẹ - Tcty	"	805	950
5	Bạc thời	Kg	2.751	1.830
6	Axit sulfuric	Tấn	137.240	138.276
	- Trong đó, Công ty mẹ - Tcty	"	125.864	127.500

5. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các khu vực có nguy cơ cao về môi trường, quản lý và xử lý chất thải đúng quy định. Thực hành tiết kiệm điện, nước, năng lượng.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động. Đảm bảo được công việc, tiền lương, chế độ chính sách và chế độ đãi ngộ khác cho người lao động. Ban hành bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến người lao động theo đúng quy định của pháp luật và điều kiện SXKD thực tế của Tổng công ty.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Chấp hành đúng quy định của các địa phương về các vấn đề hỗ trợ cộng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

HĐQT Tổng công ty hiện nay gồm có 05 thành viên là:

- Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty;
- Ông Trịnh Văn Tuệ - TV HĐQT - Tổng Giám đốc;
- Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên HĐQT chuyên trách;
- Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT, Phó TGĐ;
- Ông Nguyễn Văn Thái - Thành viên HĐQT độc lập.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024:

HĐQT đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty

và Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV để triển khai thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Với trách nhiệm quản lý mọi mặt hoạt động SXKD của Tổng công ty, HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành linh hoạt, thực hiện đúng vai trò quản lý, giám sát và đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành, bộ máy giúp việc, Người đại diện của Tổng công ty tại các công ty quản lý, điều hành đúng định hướng, đạt kết quả.

Trong năm 2024, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, 66 phiên họp HĐQT và ban hành 245 nghị quyết. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy chế làm việc, ngoài ra còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết công việc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các cuộc họp đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp, HĐQT thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung một số Quy chế, Quy định quản lý nội bộ làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Tổng công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Phê duyệt/thông qua các kế hoạch SXKD, ĐTXD,... để ban điều hành triển khai thực hiện.

- Tập trung chỉ đạo và đưa ra các giải pháp hợp lý, tăng cường quản trị, giám sát bộ máy quản lý.

- Trong công tác đầu tư đã tập trung chỉ đạo, huy động mọi nguồn lực, biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty. Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực, thực hiện thành công một số mục tiêu chính trong Đề án tái cơ cấu về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và CNKT trình độ cao.

- Thông qua nhân sự để Tổng Giám đốc Tổng công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty theo thẩm quyền.

Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia và/hoặc có ý kiến tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu. Theo lĩnh vực được phân công, các thành viên đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. HĐQT đồng thuận khi thông qua các Nghị quyết, quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển, các chủ trương lớn nhằm kịp thời giải quyết công việc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD đúng với quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động SXKD của Tổng công ty và quy định của pháp luật.

Trong các cuộc họp của HĐQT luôn mời Trưởng Ban kiểm soát tham dự và có ý kiến phát biểu, đồng thời trong một số nội dung cụ thể đều mời cán bộ quản lý, người có liên quan, người tư vấn,... tham gia để thảo luận, quyết định phù hợp với tình hình thực tế. Đặc biệt, ngoài các cuộc họp chính thức, các TVHĐQT đã phối hợp chặt chẽ, tăng cường trao đổi và tiếp thu ý kiến của ban Kiểm soát về các mặt quản lý, chương trình công tác. Ngoài việc duy trì nề nếp họp HĐQT

theo định kỳ, hàng quý, tháng HĐQT đều có các buổi giao ban với Ban điều hành, các đoàn thể CTXH. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD của các công ty con, đơn vị trực thuộc để nắm bắt tình hình và định hướng chỉ đạo kịp thời.

Thù lao của các TV HĐQT thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2.2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty:

HĐQT thống nhất với báo cáo đánh giá của BGĐ về kết quả hoạt động SXKD năm 2024 của Tổng công ty như đã trình bày ở phần trên. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn thách thức, nhưng đội ngũ CBCNV Tổng công ty đã đoàn kết, gắn bó, có nhiều cố gắng trong SXKD, triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong quản lý, điều hành.

Kết thúc năm 2024, lợi nhuận của Tổng công ty vượt kế hoạch

2.3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban điều hành theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT,...

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho Ban điều hành thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hàng quý, HĐQT đều tổ chức họp giao ban liên tịch giữa HĐQT và cơ quan điều hành, Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp quan trọng để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng công ty, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn. Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Cơ quan điều hành Tổng công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị công ty.

Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.

Qua giám sát hoạt động của Ban điều hành cho thấy: phần lớn cán bộ điều hành đều có đủ năng lực, đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên việc kiểm tra, hướng dẫn, đào tạo nhân viên cấp dưới đôi lúc chưa hoàn thành tốt công việc được giao, một số việc chậm tiến độ, phát sinh chi phí còn nhiều,...

3. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2025:

Nhận định năm 2025 và những năm tới, kinh tế vĩ mô đối mặt với nhiều thách thức, sức ép lạm phát lớn, giá xăng, dầu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh; công tác giải phóng mặt bằng tiếp tục khó khăn; điều kiện khai thác tại đa số các đơn vị khó khăn hơn; máy móc thiết bị xuống cấp; thiếu nguyên liệu để sản xuất cho Tổ hợp gang thép Cao Bằng;... nên hoạt động SXKD năm 2025 trong toàn Tổng công ty chắc chắn vẫn có nhiều thách thức.

Để hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2025, HĐQT Tổng công ty tập trung ưu tiên chỉ đạo các mặt hoạt động sau:

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2025, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của KHSX năm 2025 và các nhiệm vụ chính trong quản lý SXKD, như trong các Báo cáo đã trình bày trước đại hội.

2. Tăng cường công tác dự báo và quản lý rủi ro: Phân tích dữ liệu và dự báo chính xác các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh để lập kế hoạch ứng phó kịp thời với các tình huống bất ngờ như biến động giá nguyên liệu, khủng hoảng tài chính, hoặc thay đổi chính sách kinh tế.

3. Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, ĐTXD, ATMT của Tổng công ty với mục tiêu tăng năng suất lao động, hiệu quả và lợi nhuận. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2024, tăng cường quản trị dòng tiền và quản trị rủi ro tài chính là ưu tiên hàng đầu để đảm bảo sự an toàn trong hoạt động SXKD.

4. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội của Tổng công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển Tổng Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển;

5. Nâng cao hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty ở các doanh nghiệp mà Tổng công ty có vốn góp, giảm và từng bước tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị để khắc phục tình trạng giám sát đặc biệt.

6. Chỉ đạo thực hiện và tổ chức giám sát tốt việc thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm về tuân thủ chính sách pháp luật trong đầu tư và tiến độ, chất lượng đầu tư. Tổ chức thực hiện các nội dung về các dự án dở dang, quyết toán vốn đầu tư, xử lý tồn đọng về tài chính, tài sản, thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.... của các công ty con, đơn vị trực thuộc theo nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm đảm bảo hiệu quả SXKD toàn Tổng công ty. Sử dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa quy trình sản xuất và quản lý.

8. Tập trung thực hiện công tác phát triển lực lượng lao động chất lượng cao, gắn bó và đồng hành lâu dài cùng Tổng công ty dựa trên nhiều chính sách đào tạo, phát triển, thu hút, đãi ngộ cạnh tranh.

9. Chuẩn bị các nguồn lực cho năm 2025 và các năm tiếp theo, đặc biệt là nguồn lực về tài nguyên khoáng sản và khẩn trương triển khai Dự án mở rộng và nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền.

10. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nâng cao hơn trách nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình.

11. Tiếp tục xây dựng hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Tổng công ty. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền để ban hành thực hiện thống nhất trong toàn Tổng công ty.

12. Tăng cường giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện tốt công tác an toàn môi trường, phòng chống thiên tai, an ninh trật tự,...;

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Đã nêu tại mục 2 Phần II.
 b) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị đã họp 66 cuộc họp Hội đồng quản trị, 245 nội dung và kết quả của các cuộc họp đã ban hành được 245 nghị quyết.

2. Ban Kiểm soát:

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Đã nêu tại mục 2 Phần II.
 b) Hoạt động của Ban kiểm soát:
 - Trong năm 2024 BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với tỷ lệ tham dự họp, làm việc của từng thành viên đạt 100%, số cuộc họp năm 2024 là **11 cuộc** (phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế của BKS) để làm việc cụ thể, tổng kết các công việc đã thực hiện và lập kế hoạch cho kỳ tiếp theo và báo cáo kiến nghị phù hợp.
 - Ngoài ra BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị giao ban điều hành và một số cuộc họp theo chuyên đề để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

- a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

* Thực hiện 2024

- (1) Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2024	TH năm 2024
1	Tổng giám đốc	01	612.000.000	734.400.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	2.754.000.000	2.891.700.000
3	Kế toán trưởng	01	510.000.000	612.000.000
	Tổng cộng	07	3.876.000.000	4.238.100.000

- (2) Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng BKS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2024	TH năm 2024
1	TV HĐQT	01	550.800.000	660.960.000
2	TB kiểm soát	01	571.200.000	685.440.000
	Tổng cộng	02	1.122.000.000	1.346.400.000

- (3) Phụ cấp TV HĐQT độc lập

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH 2024	TH năm 2024	Ghi chú
1	TV HĐQT độc lập	01	324.000.000	324.000.000	
	Cộng	01	324.000.000	324.000.000	

Hình thức chi: VIMICO chi trả trực tiếp.

- (4) Thù lao của TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Mức lương của Chủ tịch HĐQT tính bằng

mức tiền lương thực hiện của TGD)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2024	TH năm 2024
1	CT HĐQT	01	74.400.000	146.880.000
2	TV HĐQT	02	129.600.000	264.384.000
3	TV kiểm soát	02	129.600.000	264.384.000
	Cộng	06	333.600.000	675.684.000

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

*Kế hoạch 2025

(1) Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	Tổng giám đốc	01	60.000.000	720.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	54.000.000	3.240.000.000
3	Kế toán trưởng	01	50.000.000	600.000.000
	Tổng cộng	07		4.560.000.000

(2) Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng BKS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT	01	54.000.000	648.000.000
2	TB Kiểm soát	01	56.000.000	672.000.000
	Cộng	02		1.320.000.000

(3) Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách, tạm tính bằng 20% mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	01	20%	6.200.000	74.400.000
2	Thành viên HĐQT	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
3	Thành viên BKS	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
	Cộng		05			333.600.000

Quỹ thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số TV HĐQT, BKS không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Tổng công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện của TV chuyên trách.

(4) Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng mức tiền lương cơ bản của TV

HĐQT chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT độc lập	01	27.000.000	324.000.000
	Cộng	01		324.000.000

Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng TM/CK vào ngày 05 đến 10 hàng tháng và hạch toán vào chi phí SXKD Công ty mẹ Tổng công ty năm 2025.

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Có.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Có.

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Năm 2024, Tổng công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty, đã có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế lành mạnh, tạo nên sự hài hòa của một loạt các mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan, từ đó tạo nên định hướng và sự kiểm soát Tổng công ty. Thúc đẩy hoạt động và tăng cường khả năng tiếp cận của Tổng công ty với các nguồn vốn bên ngoài, góp phần tích cực vào việc tăng cường giá trị Tổng công ty, giảm thiểu rủi ro, tăng cường đầu tư và phát triển bền vững cho Tổng công ty. Thực hiện tốt các quy định: Trách nhiệm của HĐQT và Ban Kiểm soát; công khai và minh bạch thông tin; quyền lợi giữa người quản lý, hội đồng quản trị và cổ đông khác; vai trò của các tổ chức kiểm toán độc lập; chính sách đãi ngộ với các nhà quản lý; việc thực thi các điều khoản luật và hợp đồng...

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Báo cáo Tài chính năm 2024 của Tổng công ty đã được công bố thông tin theo quy định.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo thường niên năm 2024 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Tuệ

- T.C.P -